

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Lưu trữ học
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1465/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 36 chương trình đào tạo của các Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Trường Đại học Tây Bắc, Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Huế, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Lưu trữ học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Lưu trữ học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Lưu trữ học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Lưu trữ học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 48 tiêu chí chiếm 96%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Lưu trữ học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Lưu trữ học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHKHXHNV, ĐHQGHN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Lưu trữ học
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
(Kèm theo Nghị quyết số 182/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,20	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	5			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 8.1	5			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	5			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	5			
Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	5			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,08	48	96

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Lưu trữ học
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
(Kèm theo Nghị quyết số 182/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)



I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Lưu trữ học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phù hợp với Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng, thể hiện rõ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu và chuẩn đầu ra được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, được phổ biến đến người học và các bên liên quan.

2. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin theo hướng dẫn của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường, được phổ biến công khai. Đề cương học phần được soát, cập nhật, cơ bản có đủ các thông tin quan trọng mang tính hướng dẫn đối với giảng viên và sinh viên, được công khai trên Portal sinh viên và phổ biến công khai, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT, được rà soát, điều chỉnh, đảm bảo khối lượng tín chỉ theo quy định. Chương trình dạy học có cấu trúc và trình tự khá logic từ khối các học phần giáo dục đại cương, khối các học phần cơ sở và chuyên ngành ngành. Đề cương các học phần trong chương trình dạy học được rà soát, cập nhật thông tin, được sắp xếp hợp lý. Nội dung chương trình dạy học được cập nhật, sắp xếp các học phần có tính tích hợp cao.

4. Triết lý giáo dục “Giáo dục Khai phóng” được tuyên bố chính thức và phổ biến tới giảng viên và người học và các bên liên quan qua nhiều kênh thông tin. Chương trình dạy học được thiết kế với nhiều hoạt động dạy học đa dạng phù hợp với chuẩn đầu ra, giúp người học phát triển kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

5. Các quy trình, quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đầy đủ, rõ ràng. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan được xác định rõ ràng, được phổ biến kịp thời đến người học. Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được công bố công khai đến người học qua nhiều kênh khác nhau. Kết quả học tập của người học được công bố trên Portal sinh viên đúng thời gian quy định. Quy định về phúc khảo rõ ràng, được phổ biến kịp thời. Việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý đúng thời gian quy định đã ban hành: sinh viên hài lòng về hoạt động kiểm tra đánh giá và phúc khảo.

6. Đội ngũ giảng viên có cơ cấu hợp lý, được quy hoạch, phát triển và duy trì tỷ lệ giảng viên có chức danh khoa học, học vị cao, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi và được giám sát chặt chẽ. Quy định đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên được xác định gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hoạt động quản trị theo kết quả công việc được triển khai. Công tác đánh giá, khen thưởng và công nhận kết quả công việc của giảng viên được thực hiện công khai. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được quy định rõ ràng, được giám sát và đối sánh để cải tiến. Đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, công bố nhiều bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, có chỉ số công bố chung và công bố trên tạp chí WoS/Scopus cao hơn quy định tại Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT.

7. Nhu cầu đội ngũ nhân viên hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác định. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được quy hoạch, phát triển đáp ứng nhu cầu và yêu cầu công việc tại các vị trí việc làm. Quy định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ cán bộ, nhân viên rõ ràng, được phổ biến công khai. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ được xác định. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng và triển khai thực hiện. Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm. Quy trình đánh giá xếp loại, xét danh hiệu thi đua thực hiện chặt chẽ, bài bản, đúng quy định. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh, tiêu chí và phương thức xét tuyển người học được xác định rõ ràng, được rà soát, đánh giá hằng năm. Kết quả tuyển sinh cơ bản ổn định, đủ chỉ tiêu và điểm xét tuyển cao. Hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học được quy định rõ ràng. Hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học thiết thực, nhất là hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học trong nghiên cứu khoa học. Môi trường tâm lý, văn hoá, không khí học tập thân thiện và thực hiện khá nhiều giải pháp đảm bảo các điều kiện vệ sinh, an toàn.

9. Hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hệ thống thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống phòng thực hành máy tính và thực hành ngoại ngữ, với những trang thiết bị cơ bản, hiện đại. Hệ thống công nghệ thông tin được phát triển đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được xây dựng, ban hành có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Trường được thiết lập, được rà

soát đánh giá và cải tiến. Hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá và cải tiến. Giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến hoạt động dạy và học; có nhiều kết quả nghiên cứu khoa học, bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế và trong nước có nội dung được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định rõ ràng, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

11. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn; thời gian tốt nghiệp trung bình; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của người học; mức độ hài lòng của các bên liên quan được thiết lập. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm cao. Sinh viên thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Khoa, cấp Trường, có 5 bài báo khoa học trên tạp chí ISSN, 25 giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường. Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học tính chung trong giai đoạn đánh giá là 12,3%. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện đầy đủ các nội dung và hình thức khác nhau theo quy trình thống nhất.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, cập nhật mục tiêu của CTĐT, thể hiện đầy đủ hơn năng lực của sinh viên tốt nghiệp phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, với mục tiêu của giáo dục đại học và năng lực số và chuyển đổi số trong ngành lưu trữ; xác định rõ định hướng đào tạo theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; rà soát chuẩn đầu ra của CTĐT, cập nhật theo nguyên tắc SMART đảm bảo có thể đo lường và đánh giá được, phản ánh được đầy đủ yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Rà soát, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT chuẩn hoá ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra và các học phần của CTĐT; rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra của học phần, đảm bảo xác định chuẩn xác mức năng lực cần đạt, tương ứng mức độ đóng góp vào chuẩn đầu ra của CTĐT; phê duyệt chính thức bản mô tả CTĐT và đề cương học phần năm 2025, làm cơ sở pháp lý cho việc công bố công khai và căn cứ để triển khai hoạt động đào tạo.

3. Tập huấn, hướng dẫn chuyên sâu hơn nữa về công tác xây dựng, rà soát CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra; rà soát, đánh giá mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT, rà soát lại ma trận kết nối học phần - chuẩn đầu ra của CTĐT, ma trận kết nối chuẩn đầu ra của học phần - chuẩn đầu ra của CTĐT; phân tích cụ thể, có chiều sâu việc đối sánh CTĐT và lấy ý kiến của các bên liên quan (đặc biệt là ý kiến của nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên, chuyên gia trong

ngành Lưu trữ) để có thể sử dụng kết quả phân tích đó hoàn thiện, cải tiến CTĐT.

4. Hướng dẫn cụ thể về cách thức chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT và hoạt động dạy học, thể hiện rõ triết lý “Khai phóng” trong các nội dung và phương pháp dạy học; hoàn thiện phương pháp giảng dạy, nâng cao tính thực tiễn, tính áp dụng kiến thức vào các hoạt động thực tế nghề nghiệp; quy định hoạt động đánh giá hiệu quả của CTĐT trong phát triển năng lực học tập suốt đời của người học để phục vụ cho việc cải tiến thiết kế, điều chỉnh hoạt động dạy học được hiệu quả hơn.

5. Rà soát, đánh giá các phương pháp và công cụ đánh giá đảm bảo phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra; nghiên cứu và triển khai phân tích đề thi/câu hỏi thi nhằm cải tiến chất lượng câu hỏi, tăng cường độ tin cậy, độ giá trị của đề thi, nâng cao chất lượng hoạt động kiểm tra đánh giá; xây dựng kế hoạch, lộ trình, phương pháp, công cụ để đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; tập huấn nâng cao hơn nữa để giúp giảng viên nắm rõ và thực hiện tốt hơn các phương pháp, công cụ đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học.

6. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên theo nhu cầu của CTĐT, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ để có cơ sở điều chỉnh phù hợp; bổ sung quy định về quy đổi giờ phục vụ cộng đồng và xây dựng KPIs cụ thể để theo dõi, đánh giá; xây dựng cơ chế, chính sách thu hút giảng viên có chức danh khoa học, học vị cao; bổ sung các tiêu chí tuyển dụng phù hợp với định hướng phát triển CTĐT; hoàn thiện khung năng lực giảng viên, bổ sung các tiêu chí về năng lực thiết kế, giảng dạy và đánh giá theo chuẩn đầu ra; dự báo nhu cầu đào tạo bồi dưỡng làm cơ sở xây dựng, thực hiện kế hoạch và đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng hệ thống đánh giá kết quả công việc dựa trên dữ liệu định lượng và gắn kết trực tiếp với cơ chế khen thưởng, phát triển nghề nghiệp, góp phần nâng cao động lực và hiệu quả của đội ngũ giảng viên; sử dụng phần mềm giám sát khối lượng công việc của giảng viên; thực hiện phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học định kỳ với trường đại học làm cơ sở cải tiến.

7. Phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo từng vị trí việc làm, xây dựng kế hoạch tuyển dụng phù hợp; rà soát, đánh giá việc thực hiện đề án vị trí việc làm, làm cơ sở điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hỗ trợ, điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng đề án vị trí việc làm cho giai đoạn tiếp; xác định khối lượng công việc, xây dựng các chỉ tiêu cụ thể cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm cơ sở giao nhiệm vụ và đánh giá đầy đủ, toàn diện năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ; đa dạng hóa hình thức đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ bảo đảm khách quan, dân chủ; khảo sát, đánh giá mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm cơ sở xây dựng và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; khảo sát, đánh giá chất lượng, thời gian, hiệu quả các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hỗ trợ để cải tiến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phù hợp; ban hành quy định về quản trị theo công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ; cải tiến công tác lập kế hoạch hoạt động của đơn vị và cá nhân, khảo sát, lấy ý kiến của lãnh đạo, giảng viên về năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ; cải tiến việc lấy ý kiến dự thảo quy định cũng như các quy định/quy trình

đánh giá hiệu quả công việc để điều chỉnh, bổ sung phù hợp, nâng cao chất lượng văn bản được ban hành.

8. Chú trọng thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài trường về các chính sách và quy định tuyển sinh; phân tích, đánh giá các phương thức, tổ hợp xét tuyển để có sự điều chỉnh phù hợp; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản quy định theo dõi sự tiến bộ của người học phù hợp với thực tế; rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho người học; rà soát, điều chỉnh và ban hành chính thức các bộ quy tắc ứng xử, quy tắc văn hoá để cán bộ, giảng viên và người học chủ động hơn trong việc thực hiện; nghiên cứu; bổ sung vườn hoa, cây cảnh, không gian dành cho các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, các hoạt động văn hoá, thể thao của người học.

9. Xây dựng tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích và trang thiết bị chuyên dụng theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024, áp dụng quản lý tài sản theo mô hình số hóa; tăng số bản sách và tỷ lệ sách số hóa theo Thông tư số 14/2023/TT-BGDĐT; nâng cấp phần mềm Virtual, chuẩn hóa quy trình quản lý phòng tư liệu Khoa, và xây dựng cơ chế liên thông dữ liệu; xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị thực hành theo Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT, thiết lập quy trình định kỳ đánh giá hiệu quả khai thác thiết bị, số hóa hoạt động quản lý thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả khai thác; nâng cấp và đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin, tích hợp các phần mềm quản lý, bảo đảm liên thông dữ liệu giữa các hệ thống, từng bước triển khai chuyển đổi số toàn diện, hướng tới mô hình quản trị đại học thông minh; ban hành quy định chung về môi trường, sức khỏe và an toàn, mở rộng đối tượng khảo sát, lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Chú trọng thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực của các vị trí việc làm tại nơi sử dụng lao động làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT và chương trình dạy học; xây dựng quy trình, hướng dẫn cụ thể hoạt động thiết kế, phát triển đề cương chi tiết các học phần và chương trình dạy học; đánh giá sự tương thích và phù hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của CTĐT; kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu chuyên sâu và nghiên cứu phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học của chính CTĐT đang được tổ chức đào tạo tại Trường; bổ sung các tiêu chí đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, đánh giá đầy đủ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của phòng thực hành và hệ thống công nghệ thông tin, tách riêng kết quả đánh giá cho CTĐT; xác định vị trí, vai trò, chức năng của Hội đồng đảm bảo chất lượng, thể hiện trong cơ cấu tổ chức của Trường để tăng cường sự kết nối và trao đổi thông tin giữa các bên liên quan, nâng cao hiệu quả cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

11. Có các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng đào tạo nhằm tăng thêm tỷ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn, nhưng vẫn bảo đảm chất lượng đào tạo, giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo; chú trọng phát triển nghiên cứu khoa học của sinh viên về quy trình thực hiện, số lượng, chất lượng và tính ứng dụng, quan tâm thêm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khuyến

khích sinh viên đăng kết quả trên báo khoa học (ISSN, WoS/Scopus) tương xứng với chất lượng sinh viên của Trường; đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số và nội dung các tiêu chí về kết quả đầu ra; áp dụng quản trị theo nguyên lý và theo quy định và chu trình PDCA trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT cũng như phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện tốt CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Lưu trữ học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.